TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2022
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Mậu.
Bà Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 14-02-2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-7-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1984; cư trú tại: xóm L, xã Xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Như H, sinh năm 1979; cư trú tại: thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị L, anh H vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-02-2022, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Như H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm chị trên 16 tuổi, đến năm 17 tuổi thì chị mang thai. Thời điểm này chị chưa đủ 18 tuổi nên chưa đăng ký kết hôn hợp pháp với anh H được. Chị có một người chị gái Đỗ Thị Thu C (tên gọi khác là Đỗ Thị C), sinh năm 1982 đã đủ tuổi kết hôn nhưng chưa kết hôn với ai, bố anh H (hiện đã chết) đưa ra ý kiến là lấy tên chị C để đăng ký kết hôn hợp pháp, còn người về làm đám cưới và chung sống với anh H là chị. Bố chị vì thương con nên đã đồng ý làm theo ý kiến của bố anh H. Thời điểm đó chị C có biết việc này và chị C cũng là người sang Ủy ban nhân dân xã H, huyện V để làm các thủ tục đăng ký kết hôn với anh H. Sau khi chị C và anh H đã hoàn thành mọi thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05-01-2001 thì hai gia đình tổ chức lễ cưới cho chị và anh H theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau lễ cưới, vợ chồng chị chung sống ở thôn M, xã H, huyện V và chị đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H với tên là Đỗ Thị Thu C. Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2001 đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh H không tin tưởng chị, lúc nào cũng nghĩ chị ngoại tình nên hay đánh chửi chị, cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt chị đã cố gắng chịu đựng tiếp tục sống chung với anh H nuôi dạy các con nhưng anh H càng ngày càng coi thường chị, chửi bới, đánh đập và nói xấu chị, đến tháng 4 năm 2016 chị đã bỏ về nhà bố đẻ sinh sống. Từ đó đến nay chị và anh H sống ly thân, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Tuy nhiên, khi trở về quê chị ở xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định thì chị được biết chị đã bị xóa tên khỏi sổ hộ khẩu của gia đình với lý do chị không còn sinh sống ở đó nữa, chị lấy chồng về xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Còn chị Đỗ Thị Thu C là chị gái chị vẫn có hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã Xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Ngày 23-01-2006 chị C chết, Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M đã khai tử cho chị C. Vì vậy xảy ra tình trạng chị không có tên trong hộ khẩu của gia đình anh Trần Như H ở thôn M, xã H, huyện V và cũng không có tên trong hộ khẩu của gia đình bố đẻ chị là ông Đỗ Trọng T ở xóm L, xã Xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Vì không có tên trong hộ khẩu nên chị không thể làm thủ tục đổi từ chứng minh nhân dân sang căn cước công dân, không làm các thủ tục để được cung cấp điện sinh hoạt, nước sạch sinh hoạt, không thể đi làm ở công ty nào vì không có căn cước công dân, gây bất tiện trong cuộc sống và sinh hoạt của chị.

Chị xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh H đã trầm trọng, trên thực tế hôn nhân giữa chị và anh H tồn tại nhưng thủ tục kết hôn tại chính quyền địa phương lại đứng tên anh H và chị Đỗ Thị Thu C là chị gái của chị. Từ tháng 4-2016 đến nay chị và anh H đã chấm dứt quan hệ hôn nhân này do đó chị đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và H. Chị đề nghị Tòa án hủy

Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 05-01-2002 giữa chị Đỗ Thị Thu C (tức Đỗ Thị C) và anh Trần Như H do Uỷ ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định cấp.

Ngày 13-7-2022, chị Đỗ Thị Ngọc L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung "đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 05-01-2002 giữa chị Đỗ Thị Thu C và anh Trần Như H". Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã ra quyết định đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh H có 02 con chung là Trần Như H, sinh ngày 01-6-2002 và Trần Như H, sinh ngày 03-4-2006. Vì lý do chị sử dụng tên Đỗ Thị Thu C trong giấy chứng nhận kết hôn và đăng ký nhân khẩu thường trú nên trong giấy khai sinh của các cháu là con chung của chị và anh H đều mang tên mẹ là Đỗ Thị Thu C. Nay cháu H đã trưởng thành; cháu H đã nghỉ học và đi làm ăn ở xa. Từ thời điểm chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, các cháu vẫn ở với anh H, chị đề nghị Toà án giao cháu H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*) Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07-7-2022, bị đơn là anh Trần Như H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H

cho rằng anh không biết chữ nên khi tìm hiểu và yêu thương chị Đỗ Thị Ngọc L anh không biết chị L bao nhiêu tuổi. Việc làm giấy tờ để đăng ký kết hôn giữa anh và chị Đỗ Thị Thu C (tức Đỗ Thị C) là do bố anh cùng chị L thực hiện nên anh cũng không biết. Người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V là anh và chị Đỗ Thị Ngọc L nhưng lại ghi tên vào các giấy tờ kết hôn là tên chị gái chị L là Đỗ Thị Thu C. Anh H khẳng định người làm lễ cưới với anh vào năm 2001 và chung sống với anh từ sau ngày cưới đến năm 2016 là chị Đỗ Thị Ngọc L, anh và chị Đỗ Thị Thu C chưa bao giờ chung sống với nhau. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị L phát sinh mâu thuẫn, chị L bỏ nhà đi từ năm 2016 đến nay và cũng từ đó anh và chị L đã chấm dứt mọi quan hệ, hai người đã có cuộc sống riêng. Vì vậy, anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Trần Như H, sinh ngày 01-6-2002 và Trần Như H, sinh ngày 03-4-2006. Hiện nay cháu Trần Như H đang thực hiện nghĩa vụ quân sự; cháu Trần Như H đã nghỉ học và đi làm ăn tự do ở xa, anh không biết địa chỉ cụ thể. Kể từ khi chị L bỏ nhà đi, các cháu vẫn

sinh sống cùng anh, cháu H chưa thành niên nên anh nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Chị Đỗ Thị Ngọc L không yêu cầu giải quyết nên anh không có ý kiến gì.

*) Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 12-5-2022, Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M cung cấp như sau: Theo các tài liệu còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M thì:

- Chị Đỗ Thị Thu C (tức Đỗ Thị C) và chị Đỗ Thị Ngọc L là con của ông Đỗ Trọng T và bà Nguyễn Thị Đ.

- Tại sổ Quản lý hộ khẩu của Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M từ năm 1995 đến năm 2005 có ghi thông tin tại dòng tên của chị C "Đã giới thiệu đi đăng ký kết hôn về xã H ngày 28-12-2000 (T bố đẻ)". Vậy người đi xin giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân cho chị C là ông Đỗ Trọng T, bố đẻ chị C (ông T hiện nay bị bệnh thần kinh không tỉnh táo minh mẫn). Sau đó chị C hay chị L đi đăng ký kết hôn với anh Đỗ Như H ở xã H, huyện V thì địa phương không nắm bắt được. Tuy nhiên từ sau khi ông T xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị C thì chị C vẫn sinh sống tại địa phương đến ngày 20-01-2006 chị C bị bệnh qua đời và Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M đã cấp giấy khai tử cho chị C.

- Tại sổ quản lý hộ khẩu của Công an xã M, huyện M có ghi thông tin tại dòng tên của chị L "Xóa tên đã lấy chồng về xã H – V ngày 13-02-2017". Như vậy, vì lý do chị L không có mặt tại địa phương nên đến ngày 13-02-2017 chị L đã bị xóa tên khỏi sổ hộ khẩu của gia đình ông Đỗ Trọng T.

- Đến thời điểm này, chị Đỗ Thị Ngọc L chưa làm bất kỳ thủ tục pháp lý nào tại địa phương liên quan đến việc đăng ký kết hôn của chị L.

- Nội dung chị Đỗ Thị Ngọc L dùng tên của chị gái là Đỗ Thị Thu C (tức Đỗ Thị C) để làm lễ cưới và chung sống với anh Trần Như H thì địa phương chỉ mới biết được vào năm 2021 khi chị L liên hệ với địa phương để làm thủ tục khai sinh cho con riêng của chị L.

*) Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 12 tháng 5 năm 2022, Uỷ ban nhân dân xã H, huyện V cung cấp như sau: Theo các tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V thì:

- Tại sổ đăng ký kết hôn quyển số 01 ngày 20-4-1999 của Uỷ ban nhân dân xã H, huyện V có thông tin: Số vào sổ 77 ngày 05-01-2001; vợ là Đỗ Thị Thu C; sinh năm 1982; nơi cư trú: Xã M, huyện M, tỉnh Nam Định - chồng là: Trần Như H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Như vậy, việc đăng ký kết hôn giữa anh H và chị C là đúng theo quy định của pháp

luật. Người trực tiếp đến Uỷ ban nhân dân xã H để đăng ký kết hôn là chị C hay em gái chị C là chị Đỗ Thị Ngọc L thì địa phương không biết được cụ thể vì cán bộ Tư pháp trực tiếp thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh H và chị C đã chết.

Sau khi đăng ký kết hôn hợp pháp thì vợ chồng anh H có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau đến năm 2016 thì hai người sống ly thân. Năm 2016 vợ anh H bỏ đi, anh H liên hệ với Uỷ ban nhân dân xã để làm các thủ tục xin ly hôn thì địa phương với biết được việc anh H đăng ký kết hôn hợp pháp với chị Đỗ Thị Thu C nhưng người làm lễ cưới và chung sống, có con chung với anh Trần Như H là chị Đỗ Thị Ngọc L (em gái chị C). Như vậy, từ sau ngày đăng ký kết hôn giữa anh H và chị C thì chị Đỗ Thị Ngọc L đã chuyển về nhà anh H chung sống như vợ chồng cùng anh H, còn chị Đỗ Thị Thu C sinh sống tại gia đình ở xã M, huyện M đến năm 2006 thì qua đời. Tại địa phương, người dân thường gọi vợ anh H bằng 02 tên là C và L.

Như vậy, người làm lễ cưới và chung sống với anh Trần Như H từ năm 2001 đến năm 2016 là chị Đỗ Thị Ngọc L; chị Đỗ Thị Thu C không có thời gian nào chung sống với anh Trần Như H trên địa bàn xã H, huyện V. Từ năm 2016 đến nay anh H và chị L không còn chung sống với nhau nữa và cũng từ đó chị L đã đi khỏi xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Tại Sổ đăng ký hộ khẩu thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (sổ được sao chép lại vào năm 2011), tại Quyển số 3 thì hộ anh Trần Như H gồm: Trần Như H, Đỗ Thị Thu C, Trần Như H, Trần Như H. Từ năm 2018, triển khai dữ liệu dân cư thì thông tin về hộ của anh Trần Như H chỉ còn tên của 03 bố con là: Trần Như H, Trần Như H, Trần Như H, thời điểm này không còn tên của chị Đỗ Thị Thu C là do chủ hộ không kê khai.

Tại xã H, huyện V,tỉnh Nam Định không lưu trữ bất kỳ thông tin gì liên quan đến chị Đỗ Thị Ngọc L; sinh năm 1984.

- Tại sổ đăng ký khai sinh của Uỷ ban nhân dân xã H, huyện V thì quá trình chung sống, anh H và chị C có 02 con chung là Trần Như H, sinh ngày 01-6-2002 và Trần Như H, sinh ngày 03-4-2006. Vì chị L sinh sống dưới tên chị C nên người đứng tên mẹ của các cháu trong giấy khai sinh là Đỗ Thị Thu C.

- Trong quá trình chung sống, anh H và chị L có tạo lập được tài sản chung là 01 thửa đất, tuy nhiên vì chị L sinh sống dưới tên chị C nên người đứng tên khối tài sản chung là anh Đỗ Như H là chị Đỗ Thị Thu C.

Vì các lý do trên, địa phương có quan điểm: Việc anh Trần Như H và chị Đỗ Thị Ngọc L chung sống với nhau như vợ chồng từ thời điểm chị L chưa đủ 18 tuổi đến thời điểm này đã quá thời hạn xử phạt vi phạm hành chính. Các đương

sự cùng đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các bên để giải quyết.

Đối với nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 5,14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Ngọc L và anh Trần Như H.

- Về con chung: Xác định con chung của anh Trần Như H và chị Đỗ Thị Ngọc L là các cháu Trần Như H, sinh ngày 01-6-2002 và Trần Như H, sinh ngày 03-4-2006. Hiện cháu H đã thành niên, cháu H chưa đủ 18 tuổi nhưng hiện cháu đã nghỉ học đi làm ăn xa, các đương sự đều thống nhất giao cháu H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận này của các đương sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đỗ Thị Ngọc L phải nộp theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp được đối trừ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Như H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định, do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc L và anh Trần Như H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới từ tháng 01-2001 đến tháng 4 - 2016 nhưng không đăng ký kết hôn hợp pháp vì lý do: Thời điểm chị L và anh H chung sống với nhau thì chị L chưa đủ 18 tuổi nên gia đình chị L và anh H đã dùng tên của chị Đỗ Thị Thu C (tức Đỗ Thị C) là chị gái của chị L (thời điểm này chị C đã đủ tuổi kết hôn) để đăng lý kết hôn hợp pháp với anh H vào ngày 05-01-2001 và từ thời điểm đó đến năm 2016 thì chị L chung sống cùng anh H tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định bằng tên của chị C. Các đương sự và chính quyền địa phương đều xác định, người tổ chức lễ cưới và chung sống với anh H là chị L; sau khi đăng ký kết hôn, chị C không có thời gian nào chung sống với anh H. Như vậy, việc chị L và anh H chung sống với nhau như vợ chồng chưa được pháp luật công nhận, trong khi chị C và anh H không có quan hệ vợ chồng nhưng lại được chứng nhận kết hôn hợp pháp, đây là kết hôn giả tạo. Vì lý do trên, chị Đỗ Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Trần Như H là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Con chung của anh Trần Như H và chị Đỗ Thị Ngọc L là các cháu Trần Như H, sinh ngày 01-6-2002 và Trần Như H, sinh ngày 03-4-2006. Vì chị Đỗ Thị Ngọc L dùng tên của chị Đỗ Thị Thu C để sinh sống tại xã H, huyện V, tỉnh Nam Định nên giấy khai sinh của các con chung của chị L và anh H đều mang tên mẹ là Đỗ Thị Thu C. Tuy nhiên các đương sự đều xác định con chung của chị L và anh H là các cháu Trần Như H, sinh ngày 01-6-2002 và Trần Như H, sinh ngày 03-4-2006. Hiện cháu H đã thành niên, cháu H chưa đủ 18 tuổi nhưng hiện cháu đã nghỉ học đi làm ăn xa, các đương sự đều thống nhất giao cháu H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận này của các đương sự.

[4]. Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về nội dung liên quan đến hộ khẩu thường trú của chị Đỗ Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại các biên bản thu thập chứng cứ tại địa phương xã H, huyện V, tỉnh Nam Định và xã M, huyện M, tỉnh Nam Định thì chị Đỗ Thị Ngọc L chưa chuyển khẩu về xã H, huyện V, tỉnh Nam Định nên tại xã H, huyện V, tỉnh Nam Định không có công dân nào mang tên Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1984. Tại xã M, huyện M, tỉnh Nam Định thì vào thời điểm tháng 02 năm 2017 thì chị Đỗ Thị Ngọc L đã bị xóa tên khỏi sổ hộ khẩu của gia đình ông Đỗ Trọng

T vì lý do là *"lấy chồng về xã H, V*". Như vậy, đến thời điểm này chị Đỗ Thị Ngọc L không có tên trong bất kỳ sổ hộ khẩu gia đình nào. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đỗ Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn và tạo điều kiện cho chị Đỗ Thị Ngọc L được đăng ký lại hộ khẩu gia đình để đảm bảo cuộc sống và sinh hoạt cho chị L.

[7]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ngọc L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Điều 14, Điều 81;Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc L. Không công nhận vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Ngọc L và anh Trần Như H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, xác định con chung của chị L và anh H là các cháu Trần Như H, sinh ngày 01-6-2002 và Trần Như H, sinh ngày 03-4-2006. Hiện nay cháu H đã thành niên, đang thực hiện nghĩa vụ quân sự. Cháu H chưa đủ 18 tuổi, giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Chị Đỗ Thị Ngọc L có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký lại hộ khẩu thường trú, làm căn cước công dân và các vấn đề khác có liên quan đến quyền nhân thân của chị.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng. Chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí L phí Tòa án số 0001401 ngày 14-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (chị L đã nộp đủ).

5. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Ngọc L và anh Trần Như H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H, huyện V;
- UBND xã M, huyện M;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm